

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 1 năm 2019 Của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 1 năm 2019 Của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61-NQ/BCSĐTNMT ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng dự thảo Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương và công tác cán bộ;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ

Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Khoa học và Công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC(md).

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG  
CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020  
ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số  
39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu  
quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 10 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của lãnh đạo các cơ quan đơn vị, người sử dụng lao động, người lao động thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, đặc biệt là nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

- Xác định toàn diện các nhiệm vụ chủ yếu, cụ thể, khả thi, phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình phù hợp và quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả.

### **2. Các mục tiêu**

#### **2.1. Đối với nguồn nhân lực**

- Đến năm 2025: Thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm, củng cố hệ thống chức nghiệp thực tài đáp ứng yêu cầu về quản lý tài nguyên và môi trường.

- Đến năm 2035: Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, có đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ, chuyên gia đầu ngành tương đương trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

- Đến năm 2045: Năng lực quản lý, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nhân lực đạt mức trung bình các nước Asean-4.

## **2.2. Đối với nguồn vật lực**

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai theo hướng sử dụng tiết kiệm hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng; Đẩy mạnh điều tra cơ bản tài nguyên biển phục vụ phát triển kinh tế biển; Nâng cao hiệu quả điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư; điều tra cơ bản, khai thác sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng nước đặc biệt là các vùng khó khăn về nguồn nước.

+ Tiếp tục xây dựng và duy trì vận hành mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường đồng bộ, công nghệ hiện đại, kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu quan trắc giữa Trung ương và địa phương; Thúc đẩy và phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

+ Tập trung hoàn thành các nhiệm vụ, công trình có tính chất cấp bách, trọng tâm, trọng điểm về quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Đến năm 2035:

+ Phát triển công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất, bảo đảm khoảng 99% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước; phục hồi 25% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

+ Hoàn thành cơ bản điều tra tài nguyên môi trường biển phục vụ khai thác, phát triển các ngành kinh tế biển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế; kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển, gắn với năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, quan trắc, giám sát môi trường biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bao gồm cả thông qua việc ứng dụng công nghệ vũ trụ và trí tuệ nhân tạo, đạt trình độ ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực. Có biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển.

+ Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc tài nguyên, môi trường quốc gia theo hướng tự động hóa. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành

tài nguyên môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên quốc gia. Hoàn thiện và hiện đại hoá mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường hiện có.

- Đến năm 2045:

+ Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

+ Hoàn thành điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển; khai thác tài nguyên môi trường biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước phấn đấu để Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn.

+ Đẩy mạnh Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc tài nguyên, môi trường quốc gia theo hướng tự động hóa. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên quốc gia. Hoàn thiện và hiện đại hoá mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường hiện có.

### **2.3 Đối với nguồn tài lực**

- Đến năm 2025:

+ Sử dụng nguồn lực nhà nước cho hoạt động điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường tiết kiệm, hiệu quả; Đảm bảo nguồn thu phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác từ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường cho ngân sách nhà nước; thúc đẩy nguồn lực xã hội hóa cho các hoạt động bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ trên phạm vi cả nước; Hoàn thành di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở phải di dời theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đến năm 2035: Đẩy mạnh thu sử dụng thông tin dữ liệu và các nguồn thu khác về tài nguyên và môi trường, trong đó thu ngân sách nhà nước về đất đai đạt 10% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Đến năm 2045: Giữ ổn định thu ngân sách nhà nước về tài nguyên và môi trường.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhiệm vụ chung**

1.1. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên hiện có, đảm bảo phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực tài nguyên thiên nhiên.

1.2. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, sử dụng nguồn lực tài nguyên thiên nhiên đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đổi mới sáng tạo. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững.

1.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về nguồn lực tài nguyên thiên nhiên trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và có hiệu quả.

1.4. Quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài nguyên thiên nhiên đáp ứng cho phát triển kinh tế, xã hội.

1.5. Đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; thúc đẩy và xã hội hóa các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước, áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực tài nguyên thiên nhiên cho phát triển kinh tế xã hội. Đẩy mạnh kinh tế hóa nguồn lực tài nguyên thiên nhiên theo hướng khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả.

1.6. Kiểm kê, đánh giá thực chất nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phục vụ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển trong từng thời kỳ. Việc kiểm kê, đánh giá được thực hiện định kỳ, thường xuyên phục vụ quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả nguồn lực tài nguyên thiên nhiên đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

1.7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, sử dụng nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực của đất nước và hủy hoại môi trường.

## **2. Nhiệm vụ và Giải pháp cụ thể**

**2.1. Các nhiệm vụ đã giao tại các văn bản trước đây:** Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, trong đó rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản tại Phụ lục 1 kèm theo Chương trình này nhằm sử dụng hiệu quả và phát huy tối đa các nguồn lực báo cáo Bộ để tổng hợp.

### **2.2. Các nhiệm vụ phát sinh mới**

#### **a) Đối với nguồn nhân lực**

- Đề xuất ban hành các chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao từ nước ngoài làm việc trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ.

- Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên dịch cơ cấu lao động; Đẩy mạnh việc đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách kahcs, gắn đào tạo với giải quyết việc làm.

- Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, tổ chức quần chúng, xã hội... trong phát triển nguồn nhân lực; phát triển mạnh hệ

thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ.

- Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực.

- Thực hiện giám sát xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng, phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc giám sát chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về tài nguyên và môi trường.

*b) Đối với nguồn vật lực*

*b.1) Tài nguyên thiên nhiên*

- Tài nguyên đất

Sửa đổi, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo khung khổ pháp lý điều chỉnh hạn điền, thực hiện tích tụ tập trung ruộng đất để cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển các vùng thâm canh, chuyên canh nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Tài nguyên nước

Sửa đổi, bổ sung Luật tài nguyên nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; Xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật điều tra cơ bản về tài nguyên nước; Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; cơ chế chính sách tạo thị trường chuyển nhượng chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước; Xây dựng chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước, trong đó tập trung vào các vùng khó khăn, khan hiếm nước; thực hiện kiểm kê tài nguyên nước; hoàn thành xây dựng toàn bộ quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước.

Xây dựng và vận hành hệ thống mạng quan trắc tài nguyên nước; Giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Hạn chế khai thác nước ngầm ảnh hưởng đến sụt lún, cạn kiệt nguồn nước ngầm tại các đô thị.

Rà soát, hoàn chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông; Xác định, công bố dòng chảy tối thiểu dòng chính các lưu vực sông lớn; ngưỡng giới hạn khai thác nước dưới đất của các vùng kinh tế trọng điểm.

Xác định, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước; Kiểm soát được các cơ sở khai thác nước, nguồn xả thải trên các lưu vực sông thông qua hệ thống giám sát tài nguyên nước; Ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước.

#### - Tài nguyên khoáng sản

Đánh giá đầy đủ, thực chất tiềm năng tài nguyên khoáng sản, nhất là khoáng sản ẩn sâu; kiểm kê thực trạng nguồn lực tài nguyên khoáng sản của đất nước để hạch toán đầy đủ, đúng đắn trong nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoáng sản; khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả tất cả các loại khoáng sản đang khai thác để phát huy tối đa vào các ngành kinh tế, đưa ngành công nghiệp khai khoáng phát triển theo hướng bền vững.

Hoàn thành công tác đánh giá tác động toàn diện các chính sách, quy định của Luật khoáng sản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước năm 2020; trên cơ sở đó xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản; hoàn thiện các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản. Trên cơ sở đó tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản bằng nhiều hình thức, sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn lực về nhân lực; vốn đầu tư, công nghệ, thiết bị để nâng cao năng lực công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản để thực hiện tốt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên khoáng sản đất nước trong từng giai đoạn (10 năm) làm cơ sở xây dựng Chiến lược, quy hoạch khoáng sản.

Sau khi hoàn thành thống kê, kiểm kê tài nguyên, trữ lượng khoáng sản đến 2025, từ giai đoạn 2030 trở đi, thực hiện định kỳ nhiệm vụ thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản trên phạm vi cả nước (05 năm/01 lần) để cập nhật, đánh giá hiện trạng nguồn lực tài nguyên khoáng sản phục vụ công tác lập quy hoạch, chiến lược khoáng sản.

Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản từ Trung ương đến địa phương, nhất là cơ quan thanh tra chuyên ngành khoáng sản; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản, quản lý chặt chẽ sản lượng đã khai thác; nghiên cứu đổi mới mô hình quản trị tài nguyên khoáng sản theo hướng công khai, minh bạch; thí điểm hình thức đấu thầu khai thác một số dự án khai thác khoáng sản quy mô lớn, có tính chiến lược.

#### - Tài nguyên đa dạng sinh học

Sửa đổi, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về bảo tồn đa dạng sinh học. Điều tra, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học phục vụ quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững.

#### - Tài nguyên biển đảo

Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Hoàn lập các Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

Triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ



thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển; Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển. Gắn kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, hải đảo.

- Tài nguyên khí tượng, thủy văn

Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và xây mới các Văn bản Quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực KTTV trong công tác phòng, chống thiên tai; hoàn thiện và xây dựng mới hệ thống văn bản quản lý kỹ thuật KTTV;

Ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển và tự động hóa hệ thống quan trắc, phát triển và hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, cơ sở dữ liệu và chia sẻ thông tin KTTV; phát triển và hiện đại hóa công nghệ dự báo để nâng cao năng lực theo dõi, dự báo, phòng tránh thiên tai và đáp ứng yêu cầu kinh tế - xã hội; ứng dụng thông tin KTTV để ứng phó với BĐKH;

Tổ chức hoạt động dịch vụ KTTV theo hướng thương mại hóa và xã hội hóa; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về KTTV, như việc tăng cường các ứng dụng công nghệ hiện đại về dự báo, đo đạc, chỉnh lý dữ liệu, tính toán KTTV; phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá tài nguyên nước, tài nguyên khí hậu, BĐKH và tác động của BĐKH; tích cực tham gia nghiên cứu những vấn đề toàn cầu về KTTV và BĐKH;

Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước, huy động các nguồn vốn thông qua tài trợ, viện trợ và các hình thức khác, nguồn thu từ các hoạt động thương mại KTTV.

#### *b.2) Cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội*

Rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách tăng cường huy động nguồn lực đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng về tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, đấu thầu, bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng kết cấu hạ tầng. Thực hiện giải pháp công khai, minh bạch thông tin và xây dựng cơ chế giám sát để các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Bộ, ngành, địa phương.

Khẩn trương xây dựng và hoàn thành các nhiệm vụ của Ngành đã được phân công tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng kết cấu hạ

tăng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường, tạo lập hệ sinh thái điện tử nhằm cung cấp, chia sẻ, sử dụng, cập nhật thông tin dữ liệu, khai thác các giá trị tăng của tài nguyên số về tài nguyên và môi trường làm hạ tầng cơ sở, nguồn lực cho phát triển nền kinh tế số, xã hội số của đất nước. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

Khẩn trương xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

Xây dựng và triển khai quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường đảm bảo đồng bộ, hiện đại và kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu giữa trung ương và địa phương.

Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách tạo khung pháp lý và thúc đẩy xây dựng hoàn thiện hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia phù hợp với chuẩn mực quốc tế đảm bảo phục vụ tìm kiếm, truy cập, chia sẻ, chuyển đổi, phân tích, tích hợp, tra cứu dữ liệu trên Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam và tích hợp dữ liệu khung.

Tăng cường quản lý đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư công, loại trừ ngay từ khâu thẩm định các dự án kém hiệu quả về kinh tế - xã hội; Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, chấm dứt đầu tư các dự án kém hiệu quả, tập trung, ưu tiên đầu tư các công trình có tính cấp bách, trọng điểm, các công trình quan trắc giám sát về tài nguyên và môi trường, đặt biệt là tài nguyên và môi trường biển. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tư vấn, giám sát độc lập, trong đó có giám sát cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng công trình; kiểm soát chặt chẽ suất đầu tư, rút ngắn tiến độ thực hiện để đưa vào khai thác sử dụng và quản lý có hiệu quả.

#### *c) Đối với nguồn tài lực*

Đảm bảo bố trí không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường theo đúng Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 69/20085/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến nghị xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.

- Khẩn trương hoạt thành việc lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý

nhà, đất do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tổ chức rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cập nhật thông tin sắp xếp nhà, đất vào phần mềm do Bộ Tài chính xây dựng, vận hành.

### **3. Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu**

Danh mục các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình hành động tại Phụ lục 02 kèm theo.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch, đề xuất nhiệm vụ, Chương trình công tác của đơn vị nhằm cụ thể hoá, cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ phát sinh và có kế hoạch triển khai hiệu quả từng nhiệm vụ trong Chương trình hành động này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối.

b) Thực hiện công tác thống kê, kiểm kê định kỳ, đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phục vụ quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về việc chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình này; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

d) Định kỳ ngày 25 tháng 12 hàng năm báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nguồn lực của đơn vị gửi Bộ. Định kỳ 5 năm rà soát, cập nhật về thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế thuộc lĩnh vực được giao quản lý, báo cáo Bộ để tổng hợp chung.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trên cơ sở Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020, kế hoạch, chương trình hành động của địa phương, Chương trình hành động này và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, định kỳ ngày 25 tháng 12 hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân để tổng hợp, báo cáo nguồn lực tài nguyên thiên nhiên gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Tăng cường công tác truyền thông, trao đổi, học tập kinh nghiệm của các địa phương để phát huy, nhân rộng các mô hình tốt về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động tham mưu với Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các giải pháp đột phá

trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường nhằm thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

5. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực về tài nguyên và môi trường; xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện nội dung phát triển nguồn nhân lực về tài nguyên và môi trường; tổng hợp báo cáo định kỳ ngày 25 tháng 12 hàng năm trình Bộ gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

6. Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền chủ trì, phối hợp Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường, Báo Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này.

#### 7. Vụ Kế hoạch - Tài chính:

- Hướng dẫn địa phương, các đơn vị trực thuộc Bộ về nội dung, các chỉ tiêu báo cáo về nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; tổng hợp báo cáo các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư về nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, Tài chính về nguồn tài lực theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch 05 năm, dự toán thu chi ngân sách nhà nước 03 năm và hằng năm trình Bộ trưởng phân bổ nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Theo dõi, phối hợp, đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Định kỳ tổng hợp báo cáo Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

- Đề xuất điều chỉnh Chương trình trong trường hợp cần thiết để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế triển khai thực hiện./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**

**PHỤ LỤC 01**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC**  
*(Kèm theo Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện*  
*Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020)*

### **1. Đất đai**

Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích an ninh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất vào mục đích an ninh 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của Bộ Công an.

### **2. Khoáng sản**

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-TW ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020.

### **3. Nguồn nước**

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020.

### **4. Đa dạng sinh học**

- Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

## **5. Tài nguyên biển, đảo**

- Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam.

- Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020.

- Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1939/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống thông tin và truyền thông các vùng biên giới biển, vùng biển, đảo Việt Nam đến năm 2020.

- Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**PHỤ LỤC 02****DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30/NQ-CP***(Kèm theo Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020)*

TT	Đề án, dự án, nhiệm vụ	Sản phẩm chính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>					
1	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai	Dự án Luật trình Chính phủ	Tổng cục Quản lý đất đai	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	2022	
2	Kiểm kê đất đai (5 năm/lần)	- Bộ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp - Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai các cấp		Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	5 năm/lần	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b>					
1	Kiểm kê tài nguyên nước quốc gia	- Bộ tiêu chí kiểm kê tài nguyên nước; - Báo cáo thuyết minh tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả dự án "Kiểm kê tài nguyên nước quốc gia"; - Các báo cáo chuyên đề - Các bản đồ tài nguyên nước và các bản đồ chuyên đề khác.	Cục Quản lý tài nguyên nước	- Các Bộ, ngành, địa phương liên quan; - Trung tâm QH&ĐT TNNQG; các đơn vị có liên quan.	2020-2023	
2	Lập danh mục nguồn nước liên quốc gia và danh mục nguồn nước liên tỉnh	- Báo cáo thuyết minh tổng hợp và báo cáo tóm tắt Đề án "Lập danh mục nguồn nước liên quốc gia và danh mục nguồn nước liên tỉnh". - Danh mục nguồn nước liên quốc gia và danh mục nguồn nước liên tỉnh (với các thông tin về nguồn nước kèm theo). - Bản đồ nguồn nước liên quốc gia, liên tỉnh trên từng vùng, lưu vực sông lớn, tỷ lệ 1: 200.000 - Dự thảo Tờ trình, Quyết định ban hành "Danh mục nguồn nước liên quốc gia và danh mục nguồn nước liên tỉnh".	Cục Quản lý tài nguyên nước (Trung tâm Giám sát TNN và Hỗ trợ phát triển LVS).	- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan; - Trung tâm QH&ĐT TNNQG; các đơn vị có liên quan.	2020	- Quyết định số 2879/QĐ-BTNMT ngày 16/11/2017 - Thực hiện theo 2 giai đoạn. GD 1 từ 2017-2020

TT	Đề án, dự án, nhiệm vụ	Sản phẩm chính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo phân tích đánh giá</li> <li>- Cơ sở dữ liệu Danh mục nguồn nước liên quốc gia và Danh mục nguồn nước liên tỉnh.</li> <li>- Địa CD lưu kết quả sản phẩm Đề án</li> </ul>				
3	Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt “Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia”;</li> <li>- Các báo cáo chuyên đề;</li> <li>- Các bản đồ;</li> <li>- Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt của Chính phủ.</li> </ul>	Cục Quản lý tài nguyên nước	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan;	2020 - 2021	
4	Xây dựng vận hành hệ thống quan trắc tài nguyên nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, Đồng Nai, Mã, Hương theo Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016	17 trạm quan trắc tài nguyên nước	Cục Quản lý tài nguyên nước	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan;	2021 - 2027	
5	Xây dựng hệ thống theo dõi và quản lý diễn biến nguồn nước mặt, nước dưới đất và hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả thải vào nguồn nước phục vụ giám sát việc tuân thủ giấy phép tài nguyên nước và công tác chỉ đạo điều hành	Hệ thống thông tin theo dõi, giám sát khai thác, sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước	Cục Quản lý tài nguyên nước	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan.	2020	
6	Sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên nước	Dự án Luật trình Chính phủ	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan.	2023 - 2025	
7	Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Dự thảo Chiến lược trình Chính phủ ban hành	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan.	2022 - 2024	



TT	Đề án, dự án, nhiệm vụ	Sản phẩm chính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
8	Điều tra, đánh giá xây dựng chính sách phát triển các dạng thị trường trong lĩnh vực tài nguyên nước theo nguyên tắc thị trường	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng về chính sách phát triển thị trường tài nguyên nước	Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	2025	
<b>III Lĩnh vực địa chất khoáng sản</b>						
1	Kiểm kê, thống kê trữ lượng khoáng sản (5 năm/lần)	Báo cáo kèm theo bản đồ phân bố, danh mục thống kê trữ lượng, tài nguyên các mỏ, điểm khoáng sản đã đánh giá, thăm dò và đang khai thác	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Cục Công nghệ Thông tin	5 năm/lần	
2	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch		Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	2022	
3	Sơ kết, tổng kết việc thi hành và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản	Luật địa chất và tài nguyên khoáng sản		Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	2022	
<b>IV Lĩnh vực môi trường</b>						
1	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đa dạng sinh học	Sửa đổi, bổ sung Luật Đa dạng sinh học Dự án Luật trình Chính phủ	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; các Bộ, ngành liên quan	2020 - 2022	
2	Đề án Kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học	- Thông tư quy định kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo đa dạng sinh học - Kiến trúc cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia - Báo cáo kết quả triển khai thí điểm tại 03 khu bảo tồn		Bộ, ngành và địa phương liên quan	2020 - 2023	
3	Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2040	Chiến lược		Bộ, ngành và địa phương liên quan	2021	
4	Xây dựng các quy hoạch bảo vệ môi trường	Các quy hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn đa	Tổng cục Môi trường	Bộ, ngành và địa phương liên quan	2020 - 2021	

TT	Đề án, dự án, nhiệm vụ	Sản phẩm chính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
	trường, bảo tồn đa dạng sinh học và tổng thể quan trắc môi trường quốc gia	dạng sinh học, tổng thể quan trắc môi trường quốc gia được phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện	trường	phương liên quan		
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Biển và hải đảo</b>					
1	Sơ kết, tổng kết việc thi hành và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Báo cáo sơ, tổng kết và Dự thảo sửa đổi, bổ sung hiện Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan.	2021 - 2025	Sơ kết năm 2021; Tổng kết và đề xuất sửa đổi bổ sung Luật năm 2025
2	Quy hoạch không gian biển quốc gia	Quy hoạch không gian biển quốc gia, giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị trực thuộc và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	2020-2022	
3	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị trực thuộc và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	2020-2021	
4	Xây dựng “Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.	“Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị trực thuộc và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	2021-2022	
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển và hải đảo quốc gia (giai đoạn 2)	Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển và hải đảo quốc gia	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị trực thuộc và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	2020-2030	- Dự án được chia làm 2 giai đoạn (2020-2025 và 2026-2030) - Kết nối đồng bộ với CSDL ngành tài nguyên và môi trường giữa trung ương và địa

TT	Đề án, dự án, nhiệm vụ	Sản phẩm chính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
						phương
6	Điều tra, đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp phát triển mô hình kinh tế xanh trên các đảo của Việt Nam trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển.	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng về phê duyệt Đề án xây dựng mô hình kinh tế xanh trên các đảo gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển của Việt Nam.	Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và môi trường	Các bộ, ngành liên quan; Các tỉnh, thành phố có biển trực thuộc trung ương	2023	
7	Điều tra, đánh giá, tổng hợp và đề xuất các phương pháp tạo nguồn thu, chia sẻ lợi ích đối với hoạt động kinh tế dựa vào hệ sinh thái, cảnh quan biển	Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách chia sẻ lợi ích từ các hoạt động kinh tế dựa vào hệ sinh thái trên biển	Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và môi trường	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2023	
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Đo đạc bản đồ và Viễn thám</b>					
1	Xây dựng Cổng thông tin dữ liệu không gian địa lý Việt Nam	- Cổng thông tin dữ liệu không gian địa lý Việt Nam kết nối 18 lớp dữ liệu theo quy định Khoản 2 Điều 45 Luật Đo đạc, bản đồ - Hệ thống phần cứng, phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, ứng dụng dữ liệu	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Các địa phương liên quan	2020 - 2025	
2	Đề án “Giám sát tài nguyên và môi trường bằng công nghệ viễn thám”	- Kết quả thu nhận, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ giám sát tài nguyên và môi trường; - Cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ giám sát tài nguyên và môi trường; - Cơ sở dữ liệu chuyên đề kết quả giám sát tài nguyên và môi trường; - Các hệ thống nghiệp vụ, bộ công cụ; - Báo cáo phân tích, đề xuất giải pháp	Cục Viễn thám quốc gia	Các đơn vị trực thuộc Bộ Bộ, ngành và địa phương liên quan	2020	Năm 2020 phê duyệt đề án; Bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2021.
3	Quy hoạch Hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám	Quyết định phê duyệt “Quy hoạch Hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám”	Cục Viễn thám quốc gia	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	2025	

TT	Đề án, dự án, nhiệm vụ	Sản phẩm chính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Khí tượng thủy văn</b>					
1	Điều tra, khảo sát, xây dựng các quy định về dự báo, cảnh báo thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai và lập bản đồ hiện trạng các loại thiên tai phục công tác phòng chống thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu và các báo cáo phân tích, đánh giá hiện trạng thiên tai.</li> <li>- Bộ bản đồ hiện trạng thiên tai khí tượng thủy văn quy mô cấp tỉnh tỷ lệ 1:50.000 cho một số loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra và gây thiệt hại lớn: bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất.</li> <li>- Các quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin cho các loại thiên tai.</li> <li>- Các quy định về cấp độ rủi ro cho các loại thiên tai.</li> </ul>	Tổng cục Khí tượng thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viện Khoa học KTTV và BDKH;</li> <li>- Viện Vật lý địa cầu;</li> <li>- Tổng cục Phòng chống thiên tai và các bộ, ngành, địa phương.</li> </ul>	2021-2023	
2	Lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ;</li> <li>- Dự thảo Quy hoạch mạng lưới quan trắc KTTV quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành</li> </ul>	Tổng cục Khí tượng thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> <li>- Các Bộ, ngành và địa phương liên quan</li> </ul>	2020 - 2021	
3	Đề án “Số hoá, xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia giai đoạn 2020-2024”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ số hóa tài liệu KTTV</li> <li>- Toàn bộ tư liệu giấy được số hóa (Scan);</li> <li>- Hệ thống thư viện số dữ liệu KTTV lưu trữ toàn bộ dữ liệu nói trên giúp người dùng có thể tra cứu, tìm kiếm tài liệu thuận tiện trên máy tính mà không cần vào kho lưu trữ;</li> <li>- Hệ thống kiểm tra chất lượng dữ liệu (QA&amp;QC) theo các quy chuẩn, quy định kỹ thuật;</li> <li>- Bộ công cụ bóc tách, nhận dạng dữ liệu từ các tài liệu giấy, giản đồ máy tự ghi;</li> <li>- Phần mềm khai thác, triết suất dữ liệu đa mục</li> </ul>	Tổng cục Khí tượng thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục Biến đổi khí hậu;</li> <li>- Viện khoa học KTTV và BDKH;</li> <li>- Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu TNMT</li> </ul>	2022 - 2024	

TT	Đề án, dự án, nhiệm vụ	Sản phẩm chính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
		tiêu phục vụ công tác dự báo, kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng; - Phần mềm đồng bộ để tự động hoá toàn bộ công tác thu nhận, cập nhật, quản lý các số liệu khí tượng thủy văn từ các đài, trạm về Tổng cục Khí tượng Thủy văn; - Báo cáo tổng kết thực hiện dự án. - Đội ngũ cán bộ được đào tạo về công nghệ thông tin có khả năng vận hành hệ thống				
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>					
1	Xây dựng, kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường tạo lập môi trường điện tử đồng bộ từ trung ương đến địa phương bảo đảm cung cấp, chia sẻ, sử dụng tài nguyên số về tài nguyên môi trường.	- Các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sửa đổi, bổ sung làm cơ sở quản lý vận hành hệ thống - Mô hình tổ chức hệ thống CSDL quốc gia về TNMT đồng bộ từ trung ương đến địa phương - CSDL quốc gia về tài nguyên môi trường; - Cổng thông tin CSDL tài nguyên môi trường quốc gia hệ thống phân tích, xử lý, kết nối, liên thông, cung cấp, chia sẻ, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường.	Cục công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2020-2023	NQ số 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025)
2	Xây dựng các hệ thống thông tin giám sát tài nguyên quốc gia đảm bảo quản lý có hiệu quả các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên	- Các hệ thống thông tin quản lý, giám sát tài nguyên quốc gia. - Cơ sở dữ liệu về các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên.	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ	2022-2025	
3	Điều tra, đánh giá và đề xuất công cụ, quy trình đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong nền kinh tế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành công cụ, qui trình đánh giá	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	2022	